

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT TRÌNH KỶ HỌP**

| STT | TRÍCH YẾU DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT   | NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT   | GHI CHÚ            |
|-----|--|---|--------------------|
| 01  | Dự thảo Nghị quyết phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP) trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Gia Lai năm 2022 (Tờ trình số 462/TTr-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh) | <b>Điều 1.</b> Phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP) trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Gia Lai năm 2022. Cụ thể:<br>1. Tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập là: 24.859 người.<br>2. Tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên là 1.714 người.<br>3. Tổng chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP) trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập là 1.391 chỉ tiêu.<br><b>Điều 2.</b> Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này. | Nghị quyết cá biệt |
| 02  | Dự thảo Nghị quyết quyết định nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch văn hóa đồi thông kết hợp du lịch sinh thái, xã Ia Dêr, huyện Ia Grai và phường Diên Hồng, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (Tờ trình số 475/TTr-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh)  | <b>Điều 1.</b> Quyết định Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu du lịch văn hóa đồi thông kết hợp du lịch sinh thái, xã Ia Dêr, huyện Ia Grai và phường Diên Hồng, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, với các nội dung chính như sau:<br><b>1. Tên nhiệm vụ quy hoạch</b><br>Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu du lịch văn hóa đồi thông kết hợp du lịch sinh thái.<br><b>2. Tính chất quy hoạch:</b> Là khu du lịch văn hóa kết hợp du lịch sinh thái gắn liền với   | Nghị quyết cá biệt |

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  |  | <p>các giá trị về cảnh quan tự nhiên, văn hóa, lịch sử tại khu vực.</p> <p><b>3. Mục tiêu quy hoạch</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cụ thể hóa Quy hoạch phát triển du lịch của tỉnh Gia Lai theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai phê duyệt tại Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 22/01/2018.</li> <li>- Trên cơ sở những thế mạnh sẵn có của cảnh quan khu vực quy hoạch để tái hiện, gìn giữ, phát huy và khai thác di sản văn hóa của các dân tộc tỉnh Gia Lai nói riêng và Tây Nguyên nói chung.</li> <li>- Hình thành một khu du lịch sinh thái, vui chơi, giải trí, cây xanh, thể dục thể thao với môi trường không gian, kiến trúc cảnh quan phù hợp, đáp ứng nhu cầu phát triển khu du lịch theo định hướng phát triển chung của tỉnh.</li> <li>- Làm cơ sở pháp lý cho các cơ quan quản lý nhà nước triển khai quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo theo quy định pháp luật.</li> </ul> <p><b>4. Phạm vi nghiên cứu và ranh giới quy hoạch</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phạm vi nghiên cứu quy hoạch: Khu vực nghiên cứu lập Quy hoạch thuộc ranh giới hành chính xã Ia Dêr, huyện Ia Grai và phường Diên Hồng, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.</li> <li>- Ranh giới nghiên cứu quy hoạch: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phía Đông: Giáp với khu dân cư phường Diên Hồng và phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku;</li> <li>+ Phía Tây: Giáp với đất của làng và đất nông nghiệp, xã Ia Dêr, huyện Ia Grai;</li> <li>+ Phía Nam: Giáp với đất nông nghiệp và đường Nguyễn Văn Cừ, Tỉnh lộ 664 thuộc xã Ia Dêr, huyện Ia Grai và thành phố Pleiku;</li> </ul> </li> </ul> |  |
|--|--|---|--|

|    |  |   |            |
|----|--|---|------------|
|    |  | <p>+ Phía Bắc: Giáp với khu làng của xã Ia Dêr, huyện Ia Grai và đường Phan Đình Phùng, thành phố Pleiku.</p> <p><b>5. Dự báo quy mô quy hoạch</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch: Khoảng 125 ha-130 ha (diện tích nghiên cứu sẽ được xác định cụ thể trong bước lập đề án quy hoạch phân khu).</li> <li>- Dân số dự kiến trong Khu du lịch: Dân số quy đổi khoảng 500 người.</li> <li>- Dự báo lượng khách du lịch trung bình tại khu vực nghiên cứu: 20.000 khách/năm.</li> </ul> <p><b>6. Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:</b> Thực hiện theo QCVN 01:2021/BXD, QCVN 07:2016/BXD và các quy định khác liên quan.</p> <p><b>7. Hồ sơ sản phẩm quy hoạch</b></p> <p>Thực hiện theo Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đề án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định khác liên quan.</p> <p><b>8. Chi phí lập quy hoạch:</b> Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p><b>9. Tổ chức thực hiện</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian thực hiện: Năm 2022.</li> <li>- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.</li> <li>- Cơ quan thẩm định quy hoạch: Sở Xây dựng.</li> <li>- Cơ quan quyết định quy hoạch: Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.</li> <li>- Đơn vị triển khai lập quy hoạch: Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai.</li> <li>- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Trung tâm quy hoạch xây dựng Gia Lai.</li> </ul> <p><b>Điều 2.</b> Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.</p> |            |
| 03 | Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án trang thiết bị | <p><b>Điều 1.</b> Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án trang thiết bị Bệnh viện vệ tinh ung bướu - Bệnh viện Đa khoa tỉnh, cụ thể như sau:</p>  | Nghị quyết |

|           |   |  |                           |
|-----------|---|--|---------------------------|
|           | <p><b>Bệnh viện vệ tinh ung bướu - Bệnh viện Đa khoa tỉnh (Tờ trình số 479/TTr-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh)</b></p>   | <p>1. Điều chỉnh Điều 1 Nghị quyết số 420/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh như sau: Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu xạ trị và trang thiết bị - Bệnh viện Đa khoa tỉnh do Sở Y tế quản lý dự án.</p> <p>2. Điều chỉnh khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 420/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh như sau: Quy mô đầu tư (ở bước lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư quy mô là dự kiến; quy mô dự án được xác định cụ thể ở bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tư 01 Máy gia tốc tuyến tính đa năng lượng (máy xạ trị).</li> <li>- Xây dựng mới Khu xạ trị: Diện tích xây dựng 790 m<sup>2</sup> đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế.</li> <li>- Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật và phụ trợ.</li> </ul> <p>3. Điều chỉnh khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 420/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau: Tổng mức đầu tư dự kiến là 73,292 tỷ đồng (bảy mươi ba tỷ, hai trăm chín mươi hai triệu đồng chẵn).</p> <p>4. Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 420/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh.</p> <p><b>Điều 2.</b> Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.</p> | <p>cá biệt</p>            |
| <p>04</p> | <p><b>Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai (vốn trong cân đối theo tiêu chí) (Tờ trình số 474/TTr-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh)</b></p> | <p><b>Điều 1.</b> Điều chỉnh khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương và biểu số 1, 2 kèm theo, cụ thể:</p> <p>1. Điều chỉnh giảm 115.064 triệu đồng vốn trong cân đối theo tiêu chí của vốn đối ứng cho các dự án ODA dự kiến khởi công mới.</p> <p>2. Bổ sung Dự án “Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai”, vay vốn ADB vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 với số vốn bổ sung là 115.064 triệu đồng từ vốn trong cân đối theo tiêu chí của vốn đối ứng cho các dự án ODA dự kiến khởi công mới (có phụ lục chi tiết kèm theo).</p> <p><b>Điều 2.</b> Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.</p>  | <p>Nghị quyết cá biệt</p> |

|    |   |  |                    |
|----|---|--|--------------------|
| 05 | <b>Dự thảo Nghị quyết phê duyệt bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương (Tờ trình số 627/TTr-UBND ngày 02/4/2022 của UBND tỉnh)</b>  | <p><b>Điều 1.</b> Phê duyệt bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương là 141,564 tỷ đồng, cụ thể như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li><i>Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí:</i> Bố trí 43 tỷ đồng cho 01 dự án hoàn thành sau năm 2022.</li> <li><i>Nguồn thu tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư:</i> Bố trí 98,564 tỷ đồng cho 02 dự án hoàn thành sau năm 2022 (có Phụ lục chi tiết kèm theo).</li> </ol> <p><b>Điều 2.</b> Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.</p>   | Nghị quyết cá biệt |
| 06 | <b>Dự thảo Nghị quyết về việc kéo dài kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn ngân sách địa phương sang năm 2022 tiếp tục thực hiện và giải ngân (Tờ trình số 459/TTr-UBND ngày 13/3/2022 của UBND tỉnh)</b>                                    | <p><b>Điều 1.</b> Thống nhất kéo dài kế hoạch vốn năm 2021 sang năm 2022 nguồn ngân sách địa phương tiếp tục triển khai thực hiện và thanh toán là 363.151,165 triệu đồng, cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li><b>Vốn ngân sách tỉnh đầu tư:</b> Tổng vốn năm 2021 kéo dài sang năm 2022 là 321.311,415 triệu đồng với 37 dự án, 01 nhiệm vụ quy hoạch, vốn điều tiết về các huyện, thị xã, thành phố, đối ứng chương trình mục tiêu quốc gia.</li> <li><b>Vốn ngân sách tỉnh phân cấp huyện, thị xã, thành phố đầu tư:</b> Tổng vốn năm 2021 kéo dài sang năm 2022 là 36.385,287 triệu đồng với 28 dự án và 17 nhiệm vụ quy hoạch.</li> <li><b>Vốn ngân sách cấp huyện, xã đầu tư:</b> Tổng vốn năm 2021 kéo dài sang năm 2022 là 5.454,464 triệu đồng với 06 dự án và 04 nhiệm vụ quy hoạch.<br/>(có Phụ lục chi tiết kèm theo)</li> </ol> <p><b>Điều 2.</b> Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.</p> | Nghị quyết cá biệt |
| 07 | <b>Dự thảo Nghị quyết quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để xây dựng dự án nhà máy xử lý rác thải tại xã Gào, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (Tờ trình số 631/TTr-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh)</b> | <p><b>Điều 1.</b> Quyết định chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để xây dựng dự án nhà máy xử lý rác thải tại xã Gào, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích rừng xin chuyển đổi là 6,08 ha.</li> <li>- Hiện trạng: Rừng trồng thông ba lá trên đất ngoài quy hoạch lâm nghiệp.</li> <li>- Vị trí: Thuộc lô 20, khoảnh 1, tiểu khu 395 thuộc xã Gào, thành phố Pleiku.</li> </ul> <p><b>Điều 2.</b> Giao UBND tỉnh và các cơ quan, địa phương có liên quan tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.</p>   | Nghị quyết cá biệt |

| 08  | <p>Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Tờ trình số 453/TTr-UBND ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh)</p> | <p><b>Điều 1.</b> Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.</p> <p><b>Điều 2.</b> Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.</p>   | Nghị quyết QPPL |          |  |  |  |  |        |        |        |                   |  |  |  |  |  |  |                 |
|-----|--|--|-----------------|----------|--|--|--|--|--------|--------|--------|-------------------|--|--|--|--|--|--|-----------------|
| 09  | <p>Dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Tờ trình số 324/TTr-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh)</p>  | <p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b></p> <p><b>1. Phạm vi điều chỉnh:</b><br/>Nghị quyết này quy định mức chi tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật (cuộc thi, hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ quần chúng; triển lãm trong lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh) trên địa bàn tỉnh Gia Lai.</p> <p><b>2. Đối tượng áp dụng:</b></p> <p>a) Tập thể và cá nhân đạt giải tại các hoạt động văn hóa, nghệ thuật do cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã tổ chức.</p> <p>b) Thành phần nhân sự tham gia tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật.</p> <p><b>Điều 2. Mức chi tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân đạt giải tại các hoạt động văn hóa, nghệ thuật</b></p> <p>1. Mức chi tiền thưởng tại các hoạt động văn hóa, nghệ thuật do cấp tỉnh tổ chức</p> <table border="1" data-bbox="831 1177 1939 1403"> <thead> <tr> <th rowspan="2">STT</th> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th colspan="4">Mức chi tiền thưởng<br/>(đơn vị tính: đồng)</th> </tr> <tr> <th>Giải A</th> <th>Giải B</th> <th>Giải C</th> <th>Giải Khuyến khích</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </tbody> </table> | STT             | Nội dung | Mức chi tiền thưởng<br>(đơn vị tính: đồng) |  |  |  | Giải A | Giải B | Giải C | Giải Khuyến khích |  |  |  |  |  |  | Nghị quyết QPPL |
| STT | Nội dung   | Mức chi tiền thưởng<br>(đơn vị tính: đồng)   |                 |          |  |  |  |  |        |        |        |                   |  |  |  |  |  |  |                 |
|     |  | Giải A   | Giải B          | Giải C   | Giải Khuyến khích                          |  |  |  |        |        |        |                   |  |  |  |  |  |  |                 |
|     |  |  |                 |          |  |  |  |  |        |        |        |                   |  |  |  |  |  |  |                 |

| <b>I</b>  |                         | <b>Cuộc thi, hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ quần chúng</b> |           |           |           |
|-----------|-------------------------|---|-----------|-----------|-----------|
| 1         | Giải toàn đoàn          | 6.000.000   | 5.000.000 | 4.000.000 | 3.000.000 |
| 2         | Giải thể loại           |   |           |           |           |
| a         | Đơn ca                  | 1.000.000   | 800.000   | 600.000   | 400.000   |
| b         | Song ca, tam ca         | 1.500.000   | 1.300.000 | 1.000.000 | 700.000   |
| c         | Múa                     | 1.500.000   | 1.300.000 | 1.000.000 | 700.000   |
| d         | Nhạc cụ                 | 1.500.000   | 1.300.000 | 1.000.000 | 700.000   |
| e         | Tốp ca                  | 1.700.000   | 1.500.000 | 1.300.000 | 1.000.000 |
| f         | Giới thiệu sách         | 1.000.000   | 800.000   | 600.000   | 400.000   |
| g         | Bình sách               | 1.000.000   | 800.000   | 600.000   | 400.000   |
| h         | Kể chuyện               | 1.000.000   | 800.000   | 600.000   | 400.000   |
| i         | Kịch                    | 2.000.000   | 1.600.000 | 1.200.000 | 900.000   |
| <b>II</b> |                         | <b>Triển lãm trong lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh</b>               |           |           |           |
| 1         | Giải tác phẩm mỹ thuật  | 3.000.000   | 2.500.000 | 2.000.000 | 1.500.000 |
| 2         | Giải tác phẩm nhiếp ảnh | 1.500.000   | 1.200.000 | 900.000   | 600.000   |

2. Mức chi tiền thưởng tại các hoạt động văn hóa, nghệ thuật do cấp huyện tổ chức bằng 70% mức chi tiền thưởng tại các hoạt động văn hóa, nghệ thuật tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Mức chi tiền thưởng tại các hoạt động văn hóa, nghệ thuật do cấp xã tổ chức bằng 50% mức chi tiền thưởng tại các hoạt động văn hóa, nghệ thuật tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Số lượng giải thưởng (Giải A, Giải B, Giải C, Giải Khuyến khích) tại các hoạt động văn hóa, nghệ thuật không quá 35% số lượng tác phẩm, tiết mục tham dự. Trong đó: Số lượng Giải A không vượt quá 35% tổng số lượng các Giải B, Giải C và Giải Khuyến khích.

**Điều 3. Mức bồi dưỡng cho các thành phần nhân sự tham gia tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật**

1. Mức bồi dưỡng cho các thành phần nhân sự tham gia tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật như sau:

a) Mức bồi dưỡng cho các thành phần nhân sự tham gia tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật do cấp tỉnh tổ chức:

| STT | Thành phần nhân sự                                | Mức bồi dưỡng<br>(đơn vị tính: đồng/người/buổi)   | Ghi chú                                     |
|-----|---|---|---|
| 1   | Ban Tổ chức                                       | - Trưởng ban: 220.000<br>- Phó Trưởng ban: 170.000<br>- Thành viên: 150.000               | Tỉnh chế độ theo thời gian làm việc thực tế |
| 2   | Hội đồng Nghệ thuật<br>(Hội đồng Giám khảo)       | - Chủ tịch Hội đồng: 600.000<br>- Phó Chủ tịch Hội đồng: 500.000<br>- Thành viên: 400.000 |   |
| 3   | Thư ký  | 300.000   |   |
| 4   | Dẫn chương trình                                  | 300.000   |   |
| 5   | Các tiểu ban                                      | - Trưởng Tiểu ban: 150.000<br>- Phó Trưởng Tiểu ban: 120.000<br>- Thành viên: 100.000     |   |
| 6   | Bộ phận kỹ thuật âm thanh, ánh sáng, màn hình Led | 150.000   |   |
| 7   | Hậu đài phục vụ sân khấu                          | 100.000   |   |



|    |   |  |                            |
|----|---|--|----------------------------|
|    |   | <p>b) Mức bồi dưỡng cho các thành phần nhân sự tham gia tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật do cấp huyện tổ chức bằng 70% mức bồi dưỡng cho thành phần nhân sự tương ứng quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>c) Mức bồi dưỡng cho các thành phần nhân sự tham gia tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật do cấp xã tổ chức bằng 50% mức bồi dưỡng cho thành phần nhân sự tương ứng quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>2. Trường hợp 01 người được phân công tham gia thực hiện nhiều nhiệm vụ khác nhau trong quá trình tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật thì chỉ được hưởng 01 mức bồi dưỡng cao nhất.</p> <p><b>Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện</b></p> <p>1. Hoạt động văn hóa, nghệ thuật do cấp nào tổ chức thì ngân sách cấp đó đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.</p> <p>2. Kinh phí tài trợ hợp pháp.</p> <p><b>Điều 5. Tổ chức thực hiện</b></p> <p>1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.</p> <p>2. Ngoài mức chi tiền thưởng và mức bồi dưỡng quy định tại Điều 2, Điều 3 Nghị quyết này, trường hợp có nguồn kinh phí tài trợ ngoài ngân sách nhà nước, đơn vị tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật có thể quyết định mức chi cao hơn mức chi quy định tại Điều 2, Điều 3 Nghị quyết này.</p> |                            |
| 10 | <p>Dự thảo Nghị quyết Quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm phản ứng) trong trường hợp không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Tờ trình số 468/TTr-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh)</p> | <p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b></p> <p>1. <b>Phạm vi điều chỉnh:</b> Nghị quyết này quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm phản ứng) trong trường hợp không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.</p> <p>2. <b>Đối tượng áp dụng:</b></p> <p>a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Gia Lai quản lý và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc các Bộ, cơ quan Trung ương đứng chân trên địa bàn tỉnh Gia Lai.</p> <p>b) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.</p> <p><b>Điều 2.</b> Mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 (chưa bao gồm sinh phẩm</p>   | <p>Nghị quyết<br/>QPPL</p> |

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  |  | <p>xét nghiệm phản ứng) trong trường hợp không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.</p> <p><b>Điều 3.</b> Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.</p> |  |
|--|--|--|--|